

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /FOMECO

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 01 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**CÔNG
TY CỔ
PHẦN
CƠ KHÍ
PHỔ
YÊN**

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ
PHỔ YÊN
DN: C=VN, L=THÁI
NGUYỄN, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ
YÊN,
OID.0.9.2342.19200300.1
00.1.1=MST:4600355393,
E=Congbangit@gmail.co
m
Reason: I am the author
of this document
Location: your signing
location here
Date: 2026.01.27
15:32:45+07'00'
Foxit PDF Editor Version:
11.2.1

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên
- Trụ sở chính: : Tổ dân phố Bông Hồng, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại : (+84208) 3863694 Fax: (+84208) 3863118
- Email : Info@fomeco.vn
- Sàn giao dịch : UPCOM
- Mã chứng khoán : FBC
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đàm Duy Đức – Người được ủy quyền công bố thông tin
- Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ
- **Nội dung thông tin công bố:**

Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (FOMECO) công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025.

Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên trân trọng công bố thông tin trên để quý Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thực hiện công bố thông tin ra công chúng theo quy định hiện hành.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27 tháng 01 năm 2026 tại đường dẫn: <http://fomeco.vn>

Chúng tôi cam kết thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT;
- Đăng website Công ty.

Người được ủy quyền công bố thông tin
PHÓ GIÁM ĐỐC




Đàm Duy Đức

Số: 03 /BC-FOMECO

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2025

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên
- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại: (02083)863694/693 Fax: (02083)863118
- Email: Info@fomeco.vn
- Vốn điều lệ: 37.000.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: FBC
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-ĐHĐCĐ	24/6/2025	1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Hội đồng quản trị; 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát; 3. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025; 4. Thông qua Tờ trình về việc thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; 5. Thông qua Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, chia cổ tức năm 2024; 6. Thông qua Tờ trình về việc phê duyệt danh sách công

		ty kiểm toán BCTC năm 2025; 7. Thông qua Tờ trình về Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. 8. Thông qua Tờ trình về bổ sung ngành, nghề kinh doanh; 9. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Phô Yên; 10. Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; 11. Thông qua Tờ trình về việc bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. 12. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Lê Văn Khanh
--	--	--

II. Hội đồng quản trị :

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Lê Minh Phương	Chủ tịch HĐQT không điều hành	22/4/2021	
2	Nguyễn Đức Chung	Thành viên HĐQT điều hành	23/4/2019	24/6/2025
3	Đàm Duy Đức	Thành viên HĐQT điều hành	22/4/2021	
4	Hoàng Công Toán	Thành viên HĐQT không điều hành	21/4/2017	
5	Vương Quốc Chính	Thành viên HĐQT không điều hành	28/4/2022	
6	Lê Văn Khanh	Thành viên HĐQT điều hành	24/6/2025	

2. Các cuộc họp HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Lê Minh Phương	11/11	100%	
2	Nguyễn Đức Chung	09/11	82%	Bận việc riêng nên không tham dự 01 cuộc họp Từ 24/6/2025 không còn là thành viên Hội đồng quản trị
3	Đàm Duy Đức	11/11	100%	
4	Hoàng Công Toán	11/11	100%	
5	Vương Quốc Chính	11/11	100%	
6	Lê Văn Khanh	01/11	9%	Là thành viên HĐQT kể từ ngày 24/6/2025.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

HĐQT đã thực hiện việc chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc và cán bộ quản lý khác thông qua việc đánh giá thực hiện các quy chế, quy định, kế hoạch thể hiện tại các biên bản họp HĐQT. Theo định kỳ HĐQT yêu cầu Giám đốc báo cáo sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện các nghị quyết của HĐQT, những khó khăn, thuận lợi trong công tác điều hành, trên cơ sở đó nắm được tình hình để HĐQT tổ chức xem xét, đánh giá kết quả điều hành, khắc phục tồn tại.

HĐQT giám sát một số hoạt động của Ban giám đốc Công ty FOMECO như sau:

- Giám sát việc triển khai và thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT do ĐHĐCĐ và HĐQT giao nhiệm vụ cho Ban điều hành thực hiện.

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư; kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ, kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng người lao động, quỹ phúc lợi đã được phê duyệt. Yêu cầu Giám đốc và Ban điều hành báo cáo kết quả thực hiện theo quý, năm.

- Giám sát việc tuân thủ các quy chế, quy định trong Công ty. Chỉ đạo Ban điều hành rà soát để sửa đổi, bổ sung xây dựng các quy chế, quy định phù hợp với pháp luật và thực tế sản xuất kinh doanh tại Công ty.

- Chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện các giải pháp khắc phục, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tồn tại của Công ty phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thông qua các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Giám sát việc công bố thông tin và nộp báo cáo theo các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước.

- Thực hiện các hoạt động giám sát khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): Không

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2025:

(Phụ lục 01 kèm theo)

III. Ban kiểm soát

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Lê Thị Thanh Hiền	Trưởng BKS	28/4/2022	Cử nhân kinh tế
2	Vũ Ngọc Hùng	Thành viên BKS	28/4/2022	Cử nhân kinh tế
3	Nguyễn Thị Phương	Thành viên BKS	21/4/2017	Cử nhân kinh tế

2. Cuộc họp của BKS:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Lê Thị Thanh Hiền	4/4	100%	100%	
2	Vũ Ngọc Hùng	4/4	100%	100%	
3	Nguyễn Thị Phương	4/4	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Ban kiểm soát thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty;

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát quá trình chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

- Giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và năm 2025, giám sát việc thực hiện Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của công ty, thực hiện các nghị quyết của HĐQT;

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT;
- Giám sát việc thực hiện Công bố thông tin;
- Giám sát việc thực hiện Công bố thông tin và trả cổ tức năm 2025;
- Theo dõi đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính của Công ty.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Trong năm 2025, HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ và có sự phối hợp chặt chẽ, độc lập, khách quan trên nguyên tắc vì lợi ích Công ty, lợi ích của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, các Quy định của Pháp luật.

5. Hoạt động khác của BKS : Không có

IV. Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông Nguyễn Đức Chung	20/10/1982	Cử nhân	Bổ nhiệm ngày 01/07/2014 và 03/05/2021 Miễn nhiệm Giám đốc ngày 02/4/2025
2	Ông Đàm Duy Đức	09/10/1978	Thạc sỹ	Bổ nhiệm ngày 01/11/2021
3	Ông Lê Văn Khanh	17/10/1976	Thạc sỹ	Bổ nhiệm ngày 01/7/2019 Bổ nhiệm lại ngày 25/07/2024 Bổ nhiệm Giám đốc ngày 02/4/2025
4	Ông Nguyễn Thanh Hà	03/08/1978	Kỹ sư	Bổ nhiệm ngày 10/5/2024

V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Nguyễn Thị Hồng Thắm	11/04/1979	Cử nhân kinh tế	Bổ nhiệm ngày 01/07/2014 Bổ nhiệm lại ngày 10/05/2024

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị Công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị Công ty: Không

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của công ty

(Phụ lục 02 kèm theo)

2. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

(Phụ lục 03 kèm theo)

3. Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát: Không giao dịch

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không giao dịch

4.1. Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không giao dịch.

4.2. Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không giao dịch

4.3. Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không giao dịch

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

(Phụ lục 04 kèm theo)

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không giao dịch

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- HĐQT;
- Ban điều hành;
- Đăng website Công ty;
- Lưu: VP, Thư ký CT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Minh Phương

PHỤ LỤC 01
CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
I	Nghị Quyết HĐQT			
1	01/NQ-HĐQT	13/01/2025	Nghị quyết về đầu tư chuyển tiếp năm 2024	100%
2	02/NQ-HĐQT	17/01/2025	Nghị quyết về kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm 2025	100%
3	03/NQ-HĐQT	23/01/2025	Nghị quyết về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
4	04/NQ-HĐQT	10/02/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
5	05/NQ-HĐQT	11/02/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
6	06/NQ-HĐQT	12/02/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên qua	100%
7	07/NQ-HĐQT	12/02/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
8	08/NQ-HĐQT	12/02/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
9	09/NQ-HĐQT	12/02/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
10	10/NQ-HĐQT	12/02/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
11	11/NQ-HĐQT	14/02/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
12	12/NQ-HĐQT	17/02/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
13	13/NQ-HĐQT	18/02/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
14	14/NQ-HĐQT	24/02/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
15	15/NQ-HĐQT	24/02/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
16	16/NQ-HĐQT	28/02/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
17	17/NQ-HĐQT	28/02/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
18	18/NQ-HĐQT	28/02/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
19	19/NQ-HĐQT	28/02/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
20	20/NQ-HĐQT	04/03/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
21	21/NQ-HĐQT	07/03/2025	Nghị quyết về việc huỷ danh sách đăng ký cuối cùng 19/02/2025 để thực hiện quyền họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
22	22/NQ-HĐQT	07/03/2025	Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
23	23/NQ-HĐQT	07/03/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
24	24/NQ-HĐQT	07/03/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
25	25/NQ-HĐQT	11/03/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
26	26/NQ-HĐQT	17/03/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
27	27/NQ-HĐQT	17/03/2025	Nghị quyết về công tác nhân sự Giám đốc	100%
28	28/NQ-HĐQT	17/03/2025	Nghị quyết vv thông qua Quy trình lấy ý kiến thăm dò nhân sự để giới thiệu nhân sự thực hiện quy trình bổ nhiệm chức danh Giám đốc	100%
29	29/NQ-HĐQT	02/4/2025	Nghị quyết về việc đánh giá, nhận xét đối với ông Lê Văn Khanh	100%
30	30/NQ-HĐQT	02/4/2025	Nghị quyết về việc thôi giữ chức Giám đốc FOMEKO đối với ông Nguyễn Đức Chung	100%
31	31/NQ-HĐQT	02/4/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
32	32/NQ-HĐQT	02/4/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
33	33/NQ-HĐQT	02/4/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
34	34/NQ-HĐQT	02/4/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
35	35/NQ-HĐQT	02/4/2025	Nghị quyết về việc ký kết Hợp đồng lao động	100%
36	36/NQ-HĐQT	02/4/2025	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Giám đốc FOMECO	100%
37	37/NQ-HĐQT	08/4/2025	Nghị quyết về việc thuê chuyên gia làm việc tại FOMECO	100%
38	38/NQ-HĐQT	15/4/2025	Nghị quyết về kế hoạch tuyển dụng nhân sự của FOMECO năm 2025	100%
39	39/NQ-HĐQT	16/4/2025	Nghị quyết chủ trương lập Quy hoạch chi tiết tại khuôn viên FOMECO	100%
40	40/NQ-HĐQT	18/4/2025	Nghị quyết về việc đi công tác nước ngoài của Giám đốc	100%
41	41/NQ-HĐQT	18/4/2025	Nghị quyết về việc đi công tác nước ngoài của Chuyên gia	100%
42	42/NQ-HĐQT	21/4/2025	Nghị quyết về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
42	43/NQ-HĐQT	25/4/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
44	44/NQ-HĐQT	28/4/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
45	45/NQ-HĐQT	29/4/2025	Nghị quyết về việc hủy danh sách ngày đăng ký cuối cùng 28/03/2025 để thực hiện quyền họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2025	100%
46	46/NQ-HĐQT	29/4/2025	Nghị quyết về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
47	47/NQ-HĐQT	29/4/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
48	48/NQ-HĐQT	05/5/2025	Nghị quyết về sửa chữa một số hạng mục công trình xây dựng cơ bản năm 2025	100%
49	49/NQ-HĐQT	05/5/2025	Nghị quyết về việc thôi giữ chức Trưởng chi nhánh đối với Ông Dương Hoàng Lung	100%
50	50/NQ-HĐQT	05/5/2025	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Giám đốc chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	100%
51	51/NQ-HĐQT	10/5/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
52	52/NQ-HĐQT	23/5/2025	Nghị quyết về giao dịch với người liên quan	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
53	53/NQ-HĐQT	28/5/2025	Nghị quyết về kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng người lao động, Quỹ phúc lợi năm 2025	100%
54	54/NQ-HĐQT	31/5/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
55	55/NQ-HĐQT	31/5/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
56	56/NQ-HĐQT	31/5/2025	Nghị quyết về việc chi phúc lợi cho Cán bộ, người lao động	100%
57	57/NQ-HĐQT	31/5/2025	Nghị quyết về việc thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
58	58/NQ-HĐQT	30/6/2025	Nghị quyết về giao dịch với người liên quan	100%
59	59/NQ-HĐQT	01/7/2025	Nghị quyết về chấp thuận việc bổ nhiệm nhân sự	100%
60	60/NQ-HĐQT	05/7/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
61	61/NQ-HĐQT	05/7/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
62	62/NQ-HĐQT	07/7/2025	Nghị quyết về việc thông qua Phân công nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị	100%
63	63/NQ-HĐQT	11/7/2025	Nghị quyết về việc khen thưởng Người quản lý, Ban kiểm soát và bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị	100%
64	64/NQ-HĐQT	17/7/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
65	65/NQ-HĐQT	17/7/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
66	66/NQ-HĐQT	17/7/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
67	67/NQ-HĐQT	17/7/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
68	68/NQ-HĐQT	30/7/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
69	69/NQ-HĐQT	06/8/2025	Nghị quyết về chủ trương hỗ trợ Câu lạc bộ hưu trí của FOMECO	100%
70	70/NQ-HĐQT	08/8/2025	Nghị quyết về kế hoạch đầu tư năm 2025 của FOMECO	100%
71	71/NQ-HĐQT	08/8/2025	Nghị quyết về việc bổ sung kế hoạch tuyển dụng năm 2025 của FOMECO	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
72	72/NQ-HĐQT	12/8/2025	Nghị quyết về chủ trương đầu tư hạng mục “mua 04 máy phay CNC”	100%
73	73/NQ-HĐQT	12/8/2025	Nghị quyết về chủ trương đầu tư hạng mục “mua 12 máy tiện CNC”	100%
74	74/NQ-HĐQT	25/8/2025	Nghị quyết về báo cáo kinh tế kỹ thuật của hạng mục đầu tư “mua 04 máy phay CNC”	100%
75	75/NQ-HĐQT	25/8/2025	Nghị quyết về báo cáo kinh tế kỹ thuật của hạng mục đầu tư “mua 12 máy tiện CNC”	100%
76	76/NQ-HĐQT	26/8/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
77	77/NQ-HĐQT	26/8/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
78	78/NQ-HĐQT	26/8/2025	Nghị quyết về việc kế hoạch chi phí năm 2025	100%
79	79/NQ-HĐQT	27/8/2025	Nghị quyết về việc đi công tác nước ngoài	100%
80	80/NQ-HĐQT	28/8/2025	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2024	100%
81	81/NQ-HĐQT	29/8/2025	Nghị quyết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục đầu tư “mua 04 máy phay CNC”	100%
82	82/NQ-HĐQT	29/8/2025	Nghị quyết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục đầu tư “mua 12 máy tiện CNC”	100%
83	83/NQ-HĐQT	29/8/2025	Nghị quyết về kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình xây dựng năm 2025	100%
84	84/NQ-HĐQT	05/9/2025	Nghị quyết về E-HSMT gói thầu “Mua 04 máy phay CNC” thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục đầu tư “Mua 04 máy phay CNC”	100%
85	85/NQ-HĐQT	05/9/2025	Nghị quyết về E-HSMT gói thầu “Mua 12 máy tiện CNC” thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục đầu tư “Mua 12 máy tiện CNC”	100%
86	86/NQ-HĐQT	09/9/2025	Nghị quyết về việc bổ sung dự toán chi phí lập Quy hoạch chi tiết tại khuôn viên FOMECO	100%
87	87/NQ-HĐQT	17/9/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
88	88/NQ-HĐQT	17/9/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
89	89/NQ-HĐQT	17/9/2025	Nghị quyết về dự toán gói thầu “Mua 04 máy phay CNC” thuộc hạng mục đầu tư “Mua 04 máy phay CNC”	100%
90	90/NQ-HĐQT	17/9/2025	Nghị quyết về dự toán gói thầu “Mua 12 máy tiện CNC” thuộc hạng mục đầu tư “Mua 12 máy tiện CNC”	100%
91	91/NQ-HĐQT	25/9/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
92	92/NQ-HĐQT	02/10/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
93	93/NQ-HĐQT	02/10/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
94	94/NQ-HĐQT	08/10/2025	Nghị quyết về việc bổ sung kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình xây dựng năm 2025	100%
95	95/NQ-HĐQT	13/10/2025	Nghị quyết về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu “Mua 12 máy tiện CNC” thuộc hạng mục đầu tư “Mua 12 máy tiện CNC”	100%
96	96/NQ-HĐQT	15/10/2025	Nghị quyết về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu “Mua 04 máy phay CNC” thuộc hạng mục đầu tư “Mua 04 máy phay CNC”	100%
97	97/NQ-HĐQT	16/10/2025	Nghị quyết về việc chi phúc lợi cho Cán bộ, người lao động	100%
98	98/NQ-HĐQT	16/10/2025	Nghị quyết về phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục đầu tư “Mua 12 máy tiện CNC” thuộc Kế hoạch đầu tư năm 2025	100%
99	99/NQ-HĐQT	16/10/2025	Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Chi tiêu nội bộ	100%
100	100/NQ-HĐQT	21/10/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
101	101/NQ-HĐQT	21/10/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
102	102/NQ-HĐQT	21/10/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
103	103/NQ-HĐQT	21/10/2025	Nghị quyết về Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025	100%
104	104/NQ-HĐQT	30/10/2025	Nghị quyết về việc khen thưởng Người quản lý, Ban kiểm soát và bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
105	105/NQ-HĐQT	30/10/2025	Nghị quyết về E-HSMT gói thầu “Mua 12 máy tiện CNC” thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục đầu tư “Mua 12 máy tiện CNC”	100%
106	106/NQ-HĐQT	03/11/2025	Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025	100%
107	107/NQ-HĐQT	10/11/2025	Nghị quyết về việc bổ sung kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng người lao động năm 2025	100%
108	108/NQ-HĐQT	17/11/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
109	109/NQ-HĐQT	21/11/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
110	110/NQ-HĐQT	21/11/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
111	111/NQ-HĐQT	26/11/2025	Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý hoạt động thanh lý tài sản	100%
112	112/NQ-HĐQT	28/11/2025	Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên	100%
113	113/NQ-HĐQT	28/11/2025	Nghị quyết về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu “Mua 12 máy tiện CNC” thuộc hạng mục đầu tư “Mua 12 máy tiện CNC”	100%
114	114/NQ-HĐQT	03/12/2025	Nghị quyết về việc chấp thuận việc bổ nhiệm nhân sự	100%
115	115/NQ-HĐQT	16/12/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
116	116/NQ-HĐQT	20/12/2025	Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan	100%
II	Quyết định HĐQT			
1	01/QĐ-HĐQT	17/03/2025	Quyết định về ban hành Quy trình lấy ý kiến thăm dò nhân sự để giới thiệu nhân sự thực hiện quy trình bổ nhiệm chức danh Giám đốc	100%
2	02/QĐ-HĐQT	02/4/2025	Quyết định đánh giá, nhận xét đối với ông Lê Văn Khanh	100%
3	03/QĐ-HĐQT	02/4/2025	Quyết định về việc thôi giữ chức Giám đốc FOMECO đối với ông Nguyễn Đức Chung	100%

393
CY
ÂN
ÂN
HÂN

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
4	04/QĐ-HĐQT	02/4/2025	Quyết định về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật	100%
5	05/QĐ-HĐQT	02/4/2025	Quyết định về việc bổ nhiệm Giám đốc FOMECO	100%
6	06/QĐ-HĐQT	18/4/2025	Quyết định về việc đi công tác nước ngoài của Giám đốc	100%
7	07/QĐ-HĐQT	18/4/2025	Quyết định về việc đi công tác nước ngoài của chuyên gia	100%
8	08/QĐ- HĐQT	05/5/2025	Quyết định về việc thôi giữ chức Trưởng chi nhánh đối với ông Dương Hoàng Lung	100%
9	09/QĐ- HĐQT	05/5/2025	Quyết định về việc bổ nhiệm Giám đốc chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	100%
10	10/QĐ-HĐQT	07/7/2025	Quyết định về việc Phân công nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị	100%
11	11/QĐ-HĐQT	11/7/2025	Quyết định về việc khen thưởng Người quản lý, Ban kiểm soát và bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị	100%
12	12/QĐ-HĐQT	27/8/2025	Quyết định về việc đi công tác nước ngoài	100%
13	13/QĐ-HĐQT	29/8/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục đầu tư “mua 04 máy phay CNC”	100%
14	14/QĐ-HĐQT	29/8/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục đầu tư “mua 12 máy tiện CNC”	100%
15	15/QĐ-HĐQT	05/9/2025	Quyết định về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu “Mua 04 máy phay CNC” thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục đầu tư “Mua 04 máy phay CNC” thuộc Kế hoạch đầu tư năm 2025	100%
16	16/QĐ-HĐQT	05/9/2025	Quyết định về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu “Mua 12 máy tiện CNC” thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục đầu tư “Mua 12 máy tiện CNC” thuộc Kế hoạch đầu tư năm 2025	100%
17	17/QĐ-HĐQT	17/9/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán gói thầu “Mua 04 máy phay CNC” thuộc hạng mục đầu tư “Mua 04 máy phay CNC” thuộc Kế hoạch đầu tư năm 2025	100%
18	18/QĐ-HĐQT	17/9/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán gói thầu “Mua 12 máy tiện CNC” thuộc	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ký	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			hạng mục đầu tư “Mua 12 máy tiện CNC” thuộc Kế hoạch đầu tư năm 2025	
19	19/QĐ-HĐQT	13/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu “Mua 12 máy tiện CNC” thuộc hạng mục đầu tư “Mua 12 máy tiện CNC” thuộc Kế hoạch đầu tư năm 2025	100%
20	20/QĐ-HĐQT	15/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu “Mua 04 máy phay CNC” thuộc hạng mục đầu tư “Mua 04 máy phay CNC” thuộc Kế hoạch đầu tư năm 2025	100%
21	21/QĐ-HĐQT	16/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục đầu tư “Mua 12 máy tiện CNC”	100%
22	22/QĐ-HĐQT	16/10/2025	Quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	100%
23	23/QĐ-HĐQT	30/10/2025	Quyết định về việc khen thưởng Người quản lý, Ban kiểm soát và bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị	100%
24	24/QĐ-HĐQT	30/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu “Mua 12 máy tiện CNC” thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục đầu tư “Mua 12 máy tiện CNC” thuộc Kế hoạch đầu tư năm 2025	100%
25	25/QĐ-HĐQT	26/11/2025	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động thanh lý tài sản	100%
26	26/QĐ-HĐQT	28/11/2025	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	100%
27	27/QĐ-HĐQT	28/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu “Mua 12 máy tiện CNC” thuộc hạng mục đầu tư “Mua 12 máy tiện CNC” thuộc Kế hoạch đầu tư năm 2025	100%



PHỤ LỤC 02

DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY

(Kèm theo báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1	Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP			ĐKKD số: 0100103866; Ngày cấp 06/10/2010; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Lô D, Khu D1, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội				VEAM góp 51% vốn điều lệ cho FOMEKO (Công ty mẹ)
1.1	Công ty TNHH MTV máy kéo và Máy nông nghiệp			ĐKKD số: 0500236405; Ngày cấp 30/01/2009; Nơi cấp: Sở KHĐT thành phố Hà Nội	Số 4, phố Chu Văn An, phường Yết Kiêu, quận Hà Đông, TP Hà Nội				Công ty con của VEAM
1.2	Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo			ĐKKD số: 0100100576; Ngày cấp 18/05/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT thành phố Hà Nội	114 Mai Hắc Đế, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội				Công ty con của VEAM
1.3	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công			ĐKKD số: 4600100211; Ngày cấp 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362, đường cách mạng tháng 10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên				Công ty con của VEAM
1.4	Công ty CP Phụ tùng máy số 1			ĐKKD số: 4600358468; Ngày cấp 31/12/2008; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Đường 3/2, tổ 10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên				Công ty con của VEAM

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1.5	Công ty TNHH MTV Động cơ và MNN Miền nam			ĐKKD số: 3601330939; Ngày cấp 18/12/2008; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Đồng Nai	Khu Phố 1, phường Bình Đa, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai				Công ty con của VEAM
1.6	Công ty CP Cơ khí Cỏ Loa			ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT thành phố Hà Nội	Tổ 22 Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội				Công ty con của VEAM
1.7	Công ty CP Cơ khí chính xác số 1			ĐKKD số: 0101487982; Ngày cấp 20/04/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT thành phố Hà Nội	Lô CN - B7 Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam				Công ty con của VEAM
1.8	Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM			ĐKKD số: 0101286034; Ngày cấp 20/08/2002; Nơi cấp: Sở KHĐT thành phố Hà Nội	Số 2 Triệu Quốc Đạt , Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam				Công ty con của VEAM
1.9	Công ty CP Vật tư và thiết bị Toàn bộ			ĐKKD số: 0100100336; Ngày cấp 06/06/2007; Nơi cấp: Sở KHĐT thành phố Hà Nội	Km số 3, đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm - Thành phố Hà Nội, Việt Nam				Công ty con của VEAM

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
2	Lê Minh Phương		Chủ tịch HĐQT	CCCD số: 001182031341; Ngày cấp: 02/10/2021; Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	KĐT Parkcity, Lê Trọng Tấn, Phường Hà Đông, TP Hà Nội	22/4/2021			Người nội bộ
3	Lê Văn Khanh	069C009262	Thành viên HĐQT; Giám đốc Công ty	CCCD số: 019076018647; Ngày cấp: 17/12/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP 2A, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	01/07/2019			Người nội bộ
4	Đàm Duy Đức	058C149959; 110376	Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc Công ty; Người được ủy quyền CBTT	CCCD số 019078000068; Ngày cấp: 15/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	SN11, ngõ 2, phố Triệu Thị Khoan Hòa, tổ 8 Hùng Vương, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ	22/4/2021			Người nội bộ
5	Hoàng Công Toán		Thành viên HĐQT	CCCD số: 034054010671; Ngày cấp: 25/6/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Đài 1, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	21/4/2017			Người nội bộ
6	Vương Quốc Chính	069C00132-SHB	Thành viên HĐQT	CCCD số: 019085003978; Ngày cấp: 11/8/2021 ; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Tổ dân phố 4, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	28/4/2022			Người nội bộ
7	Nguyễn Đức Chung	069C044884	Nguyên Thành viên HĐQT; Nguyên Giám đốc công ty	CCCD số: 019082004363; Ngày cấp: 03/5/2023; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Tổ dân phố Cầu Rẽo, Phổ Yên, Thái Nguyên	01/7/2014	24/6/2025		Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
8	Nguyễn Thanh Hà		Phó Giám đốc Công ty	CCCD số: 019078015472; Ngày cấp: 10/5/2021; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	TDP Hoàng Thanh, phường Vạn Xuân, Tỉnh Thái Nguyên	10/5/2024			Người nội bộ
9	Nguyễn Thị Hồng Thắm		Kế toán trưởng	CCCD số: 019179009943; Ngày cấp: 27/6/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP 12, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	01/07/2014			Người nội bộ
10	Lê Thị Thanh Hiền	069C009193	Trưởng BKS	CCCD số: 019182012144; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Yên Ninh, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên	28/4/2022			Người nội bộ
11	Vũ Ngọc Hùng		Thành viên BKS	CCCD số: 019081003652; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Tổ 1, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	28/4/2022			Người nội bộ
12	Nguyễn Thị Phương	128890	Thành viên BKS	CCCD số 001174044194; Ngày cấp: 22/11/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	SN 24 Ngõ Trung Yên, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	21/4/2017			Người nội bộ
13	Nguyễn Thị Út		Người phụ trách Quản trị Công ty; Thư ký Công ty	CCCD số 019192004313; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Xóm Guộc, xã Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên	06/10/2021			Người nội bộ

PHỤ LỤC 03
GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
(Kèm theo báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 2/2025	Nghị quyết HĐQT số: 05/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 11/02/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ Loa với tổng giá trị giao dịch: 100.254.000đ	
2	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 2/2025	Nghị quyết HĐQT số: 06 /NQ-HĐQT; Ngày ban hành 12/02 /2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ Loa với tổng giá trị giao dịch: 499.786.320đ	
3	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 2/2025	Nghị quyết HĐQT số 10 /NQ-HĐQT; Ngày ban hành 12/02/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ Loa với tổng giá trị giao dịch: 18.425.000đ	
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 2/2025	Nghị quyết HĐQT số 11/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 14/02/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ Loa với tổng giá trị giao dịch: 330.695.420đ	
5	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của	ĐKKD số: 0101507847;	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP	Tháng 2/2025	Nghị quyết HĐQT số 13 /NQ-	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
		VEAM	Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Hà Nội		HĐQT; Ngày ban hành 18/02 /2025	Loa với tổng giá trị giao dịch: 10.143.100đ	
6	Công ty Cổ phần Cơ khí Cỏ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 2/2025	Nghị quyết HĐQT số 15/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 24/02/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cỏ Loa với tổng giá trị giao dịch: 149.160.000đ	
7	Công ty Cổ phần Cơ khí Cỏ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 2/2025	Nghị quyết HĐQT số 16 /NQ-HĐQT; Ngày ban hành 28/02 /2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cỏ Loa với tổng giá trị giao dịch: 450.252.880đ	
8	Công ty Cổ phần Cơ khí Cỏ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 2/2025	Nghị quyết HĐQT số 18 /NQ-HĐQT; Ngày ban hành 28/02/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cỏ Loa với tổng giá trị giao dịch: 17.855.200đ	
9	Công ty Cổ phần Cơ khí Cỏ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 2/2025	Nghị quyết HĐQT số 19 /NQ-HĐQT; Ngày ban hành 28/02/2025	Hợp đồng gia công giữa FOMECO và Cỏ Loa với tổng giá trị giao dịch: 2.508.000đ	
10	Công ty Cổ phần Cơ khí Cỏ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 3/2025	Nghị quyết HĐQT số 20 /NQ-HĐQT; Ngày ban hành 04/3/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cỏ Loa với tổng giá trị giao dịch: 383.816.400đ	
11	Công ty Cổ phần Cơ khí Cỏ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004;	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 3/2025	Nghị quyết HĐQT số 25 /NQ-HĐQT; Ngày ban	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cỏ Loa với tổng giá trị	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCD/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
			Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội			hành 11/3/2025	giao dịch: 3.789.370.860 đ	
12	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 4/2025	Nghị quyết HĐQT số 34 /NQ-HĐQT; Ngày ban hành 02/4/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ Loa với tổng giá trị giao dịch: 405.108.000đ	
13	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 4/2025	Nghị quyết HĐQT số 44 /NQ-HĐQT; Ngày ban hành 28/4/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ Loa với tổng giá trị giao dịch: 518.716.660 đ	
14	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 4/2025	Nghị quyết HĐQT số 47 /NQ-HĐQT; Ngày ban hành 29/4 /2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ Loa với tổng giá trị giao dịch: 143.745.030đ	
15	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 5/2025	Nghị quyết HĐQT số 51/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 10/5/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ Loa với tổng giá trị giao dịch: 54.303.700đ	
16	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 5/2025	Nghị quyết HĐQT số 52 /NQ-HĐQT; Ngày ban hành 23/5/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ Loa với tổng giá trị giao dịch: 943.305.000 đ	
17	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 6/2025	Nghị quyết HĐQT số 58/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 30/6/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ Loa với tổng giá trị giao dịch:	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
			Hà Nội				947.430.000đ	
18	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 7/2025	Nghị quyết HĐQT số 64/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 17/7/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ Loa với tổng giá trị giao dịch: 296.938.500 đ	
19	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 7/2025	Nghị quyết HĐQT số 87/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 17/9/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ Loa với tổng giá trị giao dịch: 78.925.000 đ	
20	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 9/2025	Nghị quyết HĐQT số 88/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 17/9/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ Loa với tổng giá trị giao dịch: 202.510.000 đ	
21	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 9/2025	Nghị quyết HĐQT số 91/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 25/9/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ Loa với tổng giá trị giao dịch: 3.251.600 đ	
22	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 10/2025	Nghị quyết HĐQT số 102/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 21/10/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ Loa với tổng giá trị giao dịch: 876.040.000 đ	
23	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 11/2025	Nghị quyết HĐQT số 108/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 17/11/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cổ Loa với tổng giá trị giao dịch: 3.371.500 đ	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
24	Công ty Cổ phần Cơ khí Cỗ Loa	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 0101507847; Ngày cấp: 11/06/2004; Nơi cấp: Sở KHĐT TP Hà Nội	Tổ 22 thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Tháng 12/2025	Nghị quyết HĐQT số 116/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 20/12/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và Cỗ Loa với tổng giá trị giao dịch: 2.605.295.000 đ	
25	Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600358468; Ngày cấp: 31/12/2008; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Đường 3/2, Tổ 10, Phường Mỏ Chè, TP Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên	Tháng 2/2025	Nghị quyết HĐQT số 04/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 10/02/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và FUTU1 với tổng giá trị giao dịch: 127.160.000đ	
26	Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600358468; Ngày cấp: 31/12/2008; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Đường 3/2, Tổ 10, Phường Mỏ Chè, TP Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên	Tháng 3/2025	Nghị quyết HĐQT số 26/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 17/3/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và FUTU1 với tổng giá trị giao dịch: 1.588.675.000đ	
27	Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600358468; Ngày cấp: 31/12/2008; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Đường 3/2, Tổ 10, Phường Mỏ Chè, TP Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên	Tháng 4/2025	Nghị quyết HĐQT số 31/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 02/4/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và FUTU1 với tổng giá trị giao dịch: 259.050.000đ	
28	Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600358468; Ngày cấp: 31/12/2008; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Đường 3/2, Tổ 10, Phường Mỏ Chè, TP Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên	Tháng 2/2025	Nghị quyết HĐQT số 17/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 28/2/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và FUTU1 với tổng giá trị giao dịch: 55.748.000đ	
29	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 2/2025	Nghị quyết HĐQT số 07/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 12/2/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 508.750.000đ	
30	Công ty TNHH	Công ty	ĐKKD số:	Số 362 đường	Tháng	Nghị quyết HĐQT	Hợp đồng mua bán	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
	MTV Diesel Sông Công	con của VEAM	4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	CMT10, phường Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	2/2025	số 08/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 12/2/2025	giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 971.635.500đ	
31	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 2/2025	Nghị quyết HĐQT số 09/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 12/2/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 743.627.500đ	
32	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 2/2025	Nghị quyết HĐQT số 12/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 17/2/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 1.506.859.200đ	
33	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 2/2025	Nghị quyết HĐQT số 14/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 24/2/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 606.929.400đ	
34	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 3/2025	Nghị quyết HĐQT số 23/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 07/3/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 214.298.700đ	
35	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 3/2025	Nghị quyết HĐQT số 24/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 07/3/2025	Hợp đồng gia công hàng hoá giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 339.726.500đ	
36	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 4/2025	Nghị quyết HĐQT số 32/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 12/2/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 971.635.500đ	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
	Sông Công	VEAM	Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên		Ngày ban hành 02/4/2025	DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 1.496.000.000đ	
37	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 4/2025	Nghị quyết HĐQT số 33/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 02/4/2025	Hợp đồng gia công hàng hoá giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 2.274.772.500đ	
38	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 4/2025	Nghị quyết HĐQT số 43/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 25/4/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 14.025.000đ	
39	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 5/2025	Nghị quyết HĐQT số 54/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 31/5/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 571.631.500đ	
40	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Châu Sơn, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 5/2025	Nghị quyết HĐQT số 55/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 31/5/2025	Hợp đồng gia công giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 979.731.500đ	
41	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 7/2025	Nghị quyết HĐQT số 60/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 05/7/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 514.250.000đ	
42	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005;	Số 362 đường CMT10, phường Bá Xuyên, tỉnh	Tháng 7/2025	Nghị quyết HĐQT số 61/NQ-HĐQT; Ngày ban hành	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
			Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Thái Nguyên		05/7/2025	trị giao dịch: 727.927.200đ	
43	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 7/2025	Nghị quyết HĐQT số 65/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 17/7/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 1.217.172.880đ	
44	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 7/2025	Nghị quyết HĐQT số 66/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 17/7/2025	Hợp đồng gia công giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 1.220.043.000đ	
45	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 7/2025	Nghị quyết HĐQT số 67/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 30/7/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 574.534.840đ	
46	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 8/2025	Nghị quyết HĐQT số 68/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 06/8/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 215.985.000đ	
47	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 8/2025	Nghị quyết HĐQT số 76/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 26/8/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 2.010.415.000đ	
48	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 8/2025	Nghị quyết HĐQT số 77/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 26/8/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch:	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
			tỉnh Thái Nguyên				3.405.058.800đ	
49	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 10/2025	Nghị quyết HĐQT số 92/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 02/10/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 738.705.000 đ	
50	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 10/2025	Nghị quyết HĐQT số 93/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 02/10/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 1.109.130.000đ	
51	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 10/2025	Nghị quyết HĐQT số 100/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 21/10/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 555.390.000đ	
52	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 10/2025	Nghị quyết HĐQT số 101/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 21/10/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 727.927.200 đ	
53	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 11/2025	Nghị quyết HĐQT số 109/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 21/11/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 1.682.505.000 đ	
54	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con của VEAM	ĐKKD số: 4600100211 ; Ngày cấp: 03/02/2005; Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên	Số 362 đường CMT10, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	Tháng 11/2025	Nghị quyết HĐQT số 110/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 21/11/2025	Hợp đồng mua bán giữa FOMECO và DISOCO với tổng giá trị giao dịch: 3.038.614.700 đ	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
55	Báo Công thương	Trực thuộc Bộ Công Thương – Người có liên quan của VEAM	Mã số thuế: 0102727348	Tầng 10, tầng 11, Tòa nhà làm việc của Bộ Công thương, Số 655 Phạm Văn Đồng, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	Tháng 12/2025	Nghị quyết HĐQT số 115/NQ-HĐQT; Ngày ban hành 16/12/2025	Hợp đồng thông tin – truyền thông giữa FOMECO và Báo Công thương với tổng giá trị giao dịch: 27.000.000 đ	

PHỤ LỤC 04
DANH SÁCH VỀ NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
(Kèm theo báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025)

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP			ĐKKD số: 0100103866; Ngày cấp 06/10/2010; Nơi cấp SKHĐT TP Hà Nội	Lô D, Khu D1, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội	1.887.000	51%	Công ty mẹ
2	Lê Minh Phương		Chủ tịch HĐQT	CCCD số: 001182031341; Ngày cấp: 02/10/2021; Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	KĐT Parkcity, Lê Trọng Tấn, Phường Hà Đông, TP Hà Nội	Email: leminhphuong@veamcorp.com		
2.1	Lê Tuấn Thảo			CCCD số: 001054010905; Ngày cấp: 10/7/2021; Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Phố Thanh Vị, phường Tùng Thiện, TP Hà Nội			Bố đẻ
2.2	Trần Kim Đài			CCCD số: 001157015083; Ngày cấp: 10/7/2021; Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Phố Thanh Vị, phường Tùng Thiện, TP Hà Nội			Mẹ đẻ
2.3	Đặng Văn Thịnh			CCCD số: 034046008244; Ngày cấp: 13/8/2021; Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Phố Phan Thế Hiển, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên			Bố chồng
2.4	Vũ Thị Dung			CCCD số: 034149004290; Ngày cấp: 13/8/2021;	Phố Phan Thế Hiển, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên			Mẹ Chồng

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
				Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư				
2.5	Đặng Văn Dương			CCCD số: 034078008453; Ngày cấp: 12/7/2019; Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	KĐT Parkcity, Lê Trọng Tấn, Phường Hà Đông, TP Hà Nội			Chồng
2.6	Đặng Xuân Quang			CCCD số: 001209006986; Ngày cấp: 01/4/2024; Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	KĐT Parkcity, Lê Trọng Tấn, Phường Hà Đông, TP Hà Nội			Con đẻ
2.7	Đặng Nhật Minh			CCCD số: 001211033906; Ngày cấp: 02/10/2024; Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	KĐT Parkcity, Lê Trọng Tấn, Phường Hà Đông, TP Hà Nội			Con đẻ
2.8	Lê Trần Dũng			CCCD số: 001090056799; Ngày cấp: 24/8/2022; Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Vương quốc Hà Lan			Em ruột
2.9	Đào Thị Hương Giang			CCCD số: 001192038820; Ngày cấp: 24/8/2022; Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Vương quốc Hà Lan			Em dâu
3	Lê Văn Khanh	069C009262	Thành viên Hội đồng quản trị,	CCCD số: 019076018647; Ngày cấp: 17/12/2021;	TDP 2A, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	11.070	0.3%	

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
			Giám đốc Công ty	Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH				
3.1	Lê Văn Báu			Đã mất				Bố đẻ
3.2	Tô Thị Giỏi			CCCD số 001145021950; Ngày cấp ngày 12/02/2023; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Thôn Tân Thái, xã Vô Tranh tỉnh Thái Nguyên			Mẹ đẻ
3.3	Nguyễn Văn Tĩnh			CCCD số 024057007070; Ngày cấp: 14/09/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Thôn Đức Nghiêm, Xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh			Bố vợ
3.4	Đỗ Thị Mạnh			CCCD số 024159008487; Ngày cấp: 21/09/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Thôn Đức Nghiêm, Xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh			Mẹ vợ
3.5	Nguyễn Thị Thúy			CCCD số 024180008554; Ngày cấp: 19/08/2025; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP 2A, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên			Vợ
3.6	Lê Gia Khánh			CCCD số 019208008561; Ngày cấp: 01/06/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP 2A, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên			Con đẻ
3.7	Lê Gia bảo				TDP 2A, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên			Con đẻ
3.8	Lê Thị Doanh			CCCD số 033169008521; Ngày cấp: 05/08/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Thôn Tân Thủy, xã Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên			Chị ruột

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
3.9	Nguyễn Văn Trịnh			CCCD số 001067032418; Ngày cấp: 05/08/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Thôn Tân Thuỷ, xã Phú Luong, tỉnh Thái Nguyên			Anh rể
4	Nguyễn Đức Chung	069C044884	Nguyên Thành viên HĐQT; Nguyên Giám đốc công ty	CCCD số: 019082004363; Ngày cấp: 03/5/2023; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Tổ dân phố Cầu Rẽo, Bãi Bông, Phổ Yên, Thái Nguyên	3.900	0.105%	
4.1	Nguyễn Viết Bính			CCCD số: 019058002764; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Tổ dân phố Cầu Rẽo, Bãi Bông, Phổ Yên, Thái Nguyên			Bố đẻ
4.2	Nguyễn Thị Thúy			CCCD số: 019161007453; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Tổ dân phố Cầu Rẽo, Bãi Bông, Phổ Yên, Thái Nguyên			Mẹ đẻ
4.3	Hoàng Huy Doanh			CCCD số: 001060040614; Ngày cấp: 10/7/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội			Bố vợ
4.4	Trần Thị Lịch			CCCD số: 001159032554; Ngày cấp: 10/7/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội			Mẹ vợ
4.5	Hoàng Thị Lan Hương			CCCD số: 001183056768; Ngày cấp: 11/8/2021;	Tổ dân phố Cầu Rẽo, Bãi Bông, Phổ Yên, Thái Nguyên			Vợ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
				Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH				
4.6	Nguyễn Hoàng Bảo Uyên			Hộ chiếu số P02282475 Ngày cấp: 22/6/2023 Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh VN	Tổ dân phố Cầu Rẽo, Bãi Bông, Phố Yên, Thái Nguyên			Con đẻ
4.7	Nguyễn Hoàng Bảo Châu			Hộ chiếu số P02282474 Ngày cấp: 22/6/2023 Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh VN	Tổ dân phố Cầu Rẽo, Bãi Bông, Phố Yên, Thái Nguyên			Con đẻ
4.8	Nguyễn Hoàng Bảo Trân				Tổ dân phố Cầu Rẽo, Bãi Bông, Phố Yên, Thái Nguyên			Con đẻ
4.9	Nguyễn Viết Bắc	069C073688		CCCD số 019080008144; Ngày cấp: 17/3/2023; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Đông Sinh, Hồng Tiến, Phố Yên, Thái Nguyên	51.080	1.381%	Anh trai
4.10	Đào Thị Cẩm			CCCD số: 019184011339; Ngày cấp: 17/3/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Đông Sinh, Hồng Tiến, Phố Yên, Thái Nguyên			Chị dâu
5	Đàm Duy Đức	058C149959; 110376	Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc Công ty; Người được ủy quyền CBTT	CCCD số 019078000068; Ngày cấp: 15/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	SN11, ngõ 2, phố Triệu Thị Khoan Hòa, tổ 8 Hùng Vương, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ			

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
5.1	Đàm Duy Xa			CCCD số: 034056000757; Ngày cấp: 25/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	P307, GH1, CT17, tổ 14, phường Việt Hưng, Hà Nội			Bố đẻ
5.2	Nguyễn Thị Chúc			CCCD số: 034158001104; Ngày cấp: 25/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	P307, GH1, CT17, tổ 14, phường Việt Hưng, Hà Nội			Mẹ đẻ
5.3	Ngô Quang Chur			CCCD số: 026057005462; Ngày cấp: 18/12/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Xóm Thượng, xã Hội Thịnh, tỉnh Phú Thọ			Bố vợ
5.4	Vũ Thị Lư			CCCD số: 026160008126; Ngày cấp: 18/12/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Xóm Thượng, xã Hội Thịnh, tỉnh Phú Thọ			Mẹ vợ
5.5	Ngô Thị Ánh Tuyết			CCCD số: 026182000271; Ngày cấp: 15/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	SN11, ngõ 2, phố Triệu Thị Khoan Hòa, tổ 8 Hùng Vương, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ			Vợ
5.6	Đàm Duy Nam			Mã số định danh: 026217003784	SN11, ngõ 2, phố Triệu Thị Khoan Hòa, tổ 8 Hùng Vương, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ			Con đẻ
5.7	Đàm Tuyết Linh			Mã số định danh: 026320005743	SN11, ngõ 2, phố Triệu Thị Khoan Hòa, tổ 8 Hùng Vương, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ			Con đẻ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
5.8	Đàm Duy Nguyên			CCCD số: 019080000036; Ngày cấp: 14/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	P307, GH1, CT17, tổ 14, phường Việt Hưng, Hà Nội			Em ruột
5.9	Hoàng Thúy Hoa			CCCD số: 019183000051; Ngày cấp: 16/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	P307, GH1, CT17, tổ 14, phường Việt Hưng, Hà Nội			Em dâu
6	Hoàng Công Toán		Thành viên HĐQT	CCCD số: 034054010671; Ngày cấp: 25/6/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Đài 1, Phường Phở Yên, Thái Nguyên	508.480	13.743%	
6.1	Hoàng Công Quán			Đã mất				Bố đẻ
6.2	Bùi Thị Út			CMT số 150587129; Ngày cấp: 20/2/1979; Nơi cấp: Ca Thái Bình	Xã Tân Tiến, Tỉnh Hưng Yên			Mẹ đẻ
6.3	Hoàng Công Quỳ			Đã mất				Anh trai
6.4	Hoàng Công Bảo			CCCD số: 034049003359; Ngày cấp: 23/11/2020; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	107 Chùa Láng, Phường Láng, Hà Nội			Anh trai
6.5	Nguyễn Thị Loan			CCCD số: 030155004753; Ngày cấp: 25/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	107 Chùa Láng, Phường Láng, Hà Nội			Chị dâu
6.6	Hoàng Công Doanh			CCCD số: 034056003874; Ngày cấp: 15/1/2018;	201 Tam Trinh, Phường Tương Mai, Hà Nội			Em ruột

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
				Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH				
6.7	Trịnh Thị Ngọc			CCCD số: 001159018931; Ngày cấp: 16/9/2020; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	201 Tam Trinh, Phường Tương Mai, Hà Nội			Em dâu
6.8	Hoàng Công Doãn			CCCD số: 034058010310; Ngày cấp: 28/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	TDP 12, Phường Sông Công, Thái Nguyên			Em ruột
6.9	Đào Thị Bộ			CCCD số: 019154000687; Ngày cấp: 28/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	TDP 12, Phường Sông Công, Thái Nguyên			Em dâu
6.10	Hoàng Thị Kim Dịu			CCCD số: 034159018211; Ngày cấp: 24/7/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	P415-G3b, TT Thành Công, Phường Giảng Võ, Hà Nội			Em ruột
6.11	Nguyễn Văn Vinh			CCCD số: 034055014573; Ngày cấp: 24/7/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	P415-G3b, TT Thành Công, Phường Giảng Võ, Hà Nội			Em rể
6.12	Hoàng Thị Thanh Nga			CCCD số: 034162024424; Ngày cấp: 19/12/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	Thôn Thượng, Xã Tân Tiến, Tỉnh Hưng Yên			Em ruột
6.13	Nguyễn Quốc Túy			CCCD số: 034057016369; Ngày cấp: 06/9/2021;	Thôn Thượng, Xã Tân Tiến, Tỉnh Hưng Yên			Em rể

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
				Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH				
6.14	Hoàng Công Hưng			CCCD số: 03406400756; Ngày cấp: 22/8/2019; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	Đình Vĩ, Xã Phù Đồng, Hà Nội			Em ruột
6.15	Đỗ Tuyết Mai			CCCD số: 034166005276; Ngày cấp: 17/12/2018; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	Đình Vĩ, Xã Phù Đồng, Hà Nội			Em dâu
6.16	Hoàng Công Mười			CCCD số: 034071004243; Ngày cấp: 24/7/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	Xã Quang Vinh, Hà Nội			Em ruột
6.17	Vũ Thị Hồng Thắm			CCCD số: 001179013977; Ngày cấp: 24/7/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	Xã Quang Vinh, Hà Nội			Em dâu
6.18	Hoàng Thị Thanh Bình			CCCD số: 019180013425; Ngày cấp: 14/12/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội			Con đẻ
6.19	Nguyễn Thái Lâm			CCCD số: 001076071410; Ngày cấp: 14/12/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội			Con rể
6.20	Hoàng Công Minh			CCCD số: 019081000005; Ngày cấp: 10/5/2021;	703 lô D, Khu D1, KĐG 18.1 Ha, Phường Tây Hồ, Hà Nội			Con đẻ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
				Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH				
6.21	Bùi Thị Hải			CCCD số: 027188000050; Ngày cấp: 10/5/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	703 lô D, Khu D1, KĐG 18.1 Ha, Phường Tây Hồ, Hà Nội			Con dâu
6.22	Đào Thúy Lan			CCCD số: 024158007545; Ngày cấp: 25/6/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Đài 1, Phường Phở Yên, Thái Nguyên			Vợ
7	Vương Quốc Chính	069C00132- SHS	Thành viên HĐQT	CCCD số: 019085003978; Ngày cấp: 14/01/2025 ; Nơi cấp: Bộ công an.	Tổ dân phố 4, phường Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên	223.610	6,043 %	
7.1	Vương Đình Dũng			Đã chết				Bố đẻ
7.2	Bùi Thị Lan			CCCD số: 038158019159; Ngày cấp: 11/08/2021 ; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Tổ dân phố 4, phường Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên			Mẹ đẻ
7.3	Đàm Lãi			Đã chết				Bố vợ
7.4	Nguyễn Thị Ca			CCCD số: 019153000760; Ngày cấp: 25/06/2021 ; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Phường Vạn Xuân, Thái Nguyên			Mẹ vợ
7.5	Đàm Thị Hải Anh	-		CCCD số: 019191011040;	Tổ dân phố 4, phường Phở	2.710	0.073%	Vợ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
		069C068000-SHS - 105C182232-tcbs		Ngày cấp: 09/07/2024 ; Nơi cấp: Bộ công an.	Yên, tỉnh Thái Nguyên			
7.6	Vương Bảo Lâm				Tổ dân phố 4, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên			Con đẻ
7.7	Vương Đăng Khoa			CCCD Số : 019218009629 Ngày cấp : 14/08/2024 Nơi cấp : Bộ công an	Tổ dân phố 4, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên			Con đẻ
7.8	Vương Tuấn Dương			CCCD số: 019083000169; Ngày cấp: 13/12/2024; Nơi cấp: Bộ công an.	Khu đô thị ngoại giao đoàn, P Xuân Đình, Hà Nội			Anh ruột
7.9	Đỗ Thị Ánh			CCCD số: 001930017522; Ngày cấp: 25/04/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	Khu đô thị ngoại giao đoàn, P Xuân Đình, Hà Nội			Chị dâu
8	Nguyễn Thanh Hà		Phó Giám đốc Công ty	CCCD số: 019078015472; Ngày cấp: 10/5/2021; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	TDP Hoàng Thanh, phường Vạn Xuân, Tỉnh Thái Nguyên			
8.1	Nguyễn Ngọc Bích			CCCD số: 019182001454; Ngày cấp: 08/11/2022; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	TDP Hoàng Thanh, phường Vạn Xuân, Tỉnh Thái Nguyên			Vợ
8.2	Nguyễn Thanh Hưng			CCCD số: 019209007509; Ngày cấp: 19/03/2024; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	TDP Hoàng Thanh, phường Vạn Xuân, Tỉnh Thái Nguyên			Con đẻ
8.3	Nguyễn Thanh Phát			CCCD số: 019212010107; Ngày cấp:	TDP Hoàng Thanh, phường			Con đẻ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
				19/03/2025; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Vạn Xuân, Tỉnh Thái Nguyên			
8.4	Nguyễn Thanh Bình			Đã mất				Bố đẻ
8.5	Nguyễn Thị Sáu			CCCD số: 024137002113; Ngày cấp: 14/12/2022; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	TDP Duyên Bắc, phường Vạn Xuân, Tỉnh Thái Nguyên			Mẹ đẻ
8.6	Nguyễn Ngọc Sang			CCCD số: 019059004372; Ngày cấp: 23/8/2021; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	P Gia sàng, tỉnh Thái Nguyên			Bố vợ
8.7	Chu Thị Ngọc			CCCD số: 019158002595; Ngày cấp: 23/8/2021; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	P Gia sàng, tỉnh Thái Nguyên			Mẹ vợ
8.8	Nguyễn Thanh Cao			CCCD số: 019060003137; Ngày cấp: 28/9/2021; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	TDP Duyên Bắc, phường Vạn Xuân, Tỉnh Thái Nguyên			Anh ruột
8.9	Nguyễn Thanh Hùng			CCCD số: 019074000561; Ngày cấp: 02/11/2022; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	TDP Duyên Bắc, phường Vạn Xuân, Tỉnh Thái Nguyên			Anh ruột
8.10	Nguyễn Thị Minh Liên			CCCD số: 019162004946; Ngày cấp: 06/09/2021; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	TDP Đại Ga, phường Vạn Xuân, Tỉnh Thái Nguyên			Chị ruột
8.11	Nguyễn Thị Hương			Đã mất				Chị ruột
8.12	Nguyễn Thị Thanh Hải			CCCD số: 019166006859; Ngày cấp: 10/05/2023; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	TDP 6, phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên			Chị ruột

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
8.13	Nguyễn Thị Thanh Hiền			CCCD số: 019170008718; Ngày cấp: 23/11/2022; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	TDP Thành Lập, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên			Chị ruột
8.14	Nguyễn Thị Thanh Hòa			CCCD số: 019172010055; Ngày cấp: 14/12/2022; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	TDP Duyên Bắc, phường Vạn Xuân, Tỉnh Thái Nguyên			Chị ruột
8.15	Ngô Thị Mận			CCCD số: 019162007636; Ngày cấp: 28/9/2021; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	TDP Duyên Bắc, phường Vạn Xuân, Tỉnh Thái Nguyên			Chị dâu
8.16	Lê Thị Hương Sơn			CCCD số: 019182000929; Ngày cấp: 02/11/2022; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	TDP Duyên Bắc, phường Vạn Xuân, Tỉnh Thái Nguyên			Chị dâu
8.17	Nguyễn Văn Tường			CCCD số: 019069014178; Ngày cấp: 10/05/2021; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	TDP Duyên Bắc, phường Vạn Xuân, Tỉnh Thái Nguyên			Anh rể
8.18	Nguyễn Văn Đốc			Đã mất				Anh rể
8.19	Nguyễn Văn Bình			Đã mất				Anh rể
8.20	Đỗ Đình Thanh			Đã mất				Anh rể
8.21	Lương Văn Chanh			Đã mất				Anh rể
9	Nguyễn Thị Hồng Thắm		Kế toán trưởng	CCCD số: 019179009943; Ngày cấp: 27/6/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP 12, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	5.000	0.135%	

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
9.1	Nguyễn Ngọc Vui			CCCD số: 027040000565; Ngày cấp: 20/04/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP 1, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên			Bố đẻ
9.2	Nguyễn Thị Chín			CCCD số: 019142000220 ; Ngày cấp: 20/04/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP 1, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên			Mẹ đẻ
9.3	Nguyễn Ngọc Tâm			CCCD số: 019068001284; Ngày cấp: 25/04/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP 4, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên			Anh ruột
9.4	Nguyễn Khánh Toàn			CCCD số: 019077013312 ; Ngày cấp: 31/08/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	SN 335 đường CMT8, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên			Anh ruột
9.5	Lê Thái Ninh			CCCD số: 037073004684 ; Ngày cấp: 13/04/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP 12, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên			Chồng
9.6	Lê Hồng Thái Dương			CCCD số: 019208010497 ; Ngày cấp: 01/06/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP 12, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên			Con đẻ
9.7	Lê Nguyễn Thanh Tùng			CCCD số: 019212011053 Ngày cấp: 20/08/2024 Nơi cấp: Bộ Công an	TDP 12, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên			Con đẻ
9.8	Lê Văn Sử			CCCD số: 037043000279; Ngày cấp: 30/06/2022;	Thôn 4B, phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình			Bố chồng

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
				Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH				
9.9	Phạm Bích Nụ			CCCD số: 019148000246; Ngày cấp: 13/04/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP 12, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên			Mẹ chồng
9.10	Vũ Thị Yến			CCCD số: 030169001545; Ngày cấp: 09/12/2016 tại Cục CS ĐKQL cư trú & DLQG về dân cư	TDP 4, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên			Chị dâu
9.11	Nguyễn Thị Thu Trà			CCCD số: 019180006770 ; Ngày cấp: 31/08/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	SN 335 đường CMT8, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên			Chị dâu
10	Lê Thị Thanh Hiền	069C009193	Trưởng BKS	CCCD số:019182012144; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Yên Ninh, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên	3.000	0,08%	
10.1	Lê Đăng Chi			CCCD số: 019047003299; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Yên Ninh, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên			Bố đẻ
10.2	Nguyễn Thị Vụ			CCCD số: 019148001716; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Yên Ninh, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên			Mẹ đẻ
10.3	Nguyễn Tư Bảo			CCCD số: 001057029096; Ngày cấp: 3/5/2023; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Phú Hưng, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên			Bố chồng

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
10.4	Đặng Thị Long			CCCD số: 040157011836; Ngày cấp: 3/5/2023; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Phú Hưng, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên			Mẹ chồng
10.5	Nguyễn Trường Sơn			CCCD số: 001082055973; Ngày cấp: 31/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Yên Ninh, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên			Chồng
10.6	Nguyễn Lê Hiền Trang			CCCD số: 019311009634; Ngày cấp: 22/12/2024; Nơi cấp: Bộ công an	TDP Yên Ninh, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên			Con đẻ
10.7	Nguyễn Hải Đăng			CCCD số: 019213003880; Ngày cấp: 22/12/2024; Nơi cấp: Bộ công an	TDP Yên Ninh, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên			Con đẻ
10.8	Lê Đăng Chính			CCCD số: 019070009732; Ngày cấp: 04/02/2023; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Yên Ninh, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên			Anh trai
10.9	Lê Thị Thanh Thủy	069C009145		CCCD số: 019171008525; Ngày cấp: 07/11/2023; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Yên Ninh, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên	2.910	0,07%	Chị ruột
10.10	Lê Thị Bích Thảo			CCCD số: 019173001920; Ngày cấp: 23/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	383 Ngô Gia Tự, Phường Việt Hưng, Hà Nội			Chị ruột

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
10.11	Lê Đăng Hòa			CCCD số: 019076013092; Ngày cấp: 23/11/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Yên Ninh, Phường Phở Yên, Tỉnh Thái Nguyên			Anh trai
10.12	Nguyễn Thị Thúy			CCCD số: 019173011112; Ngày cấp: 18/1/2023; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Yên Ninh, Phường Phở Yên, Tỉnh Thái Nguyên			Chị dâu
10.13	Dương Văn Thái			CCCD số: 019065007421; Ngày cấp: 25/6/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Ấm, Phường Phở Yên, Tỉnh Thái Nguyên			Anh rể
10.14	Nguyễn Thế Tĩnh			CCCD số: 001061003302; Ngày cấp: 10/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	383 Ngô Gia Tự, Phường Việt Hưng, Hà Nội			Anh rể
10.15	Nguyễn Thị Hà			CCCD số: 019177012245; Ngày cấp: 23/11/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Yên Ninh, Phường Phở Yên, Tỉnh Thái Nguyên			Chị dâu
11	Nguyễn Thị Phương	128890	Thành viên BKS	CCCD số 001174044194; Ngày cấp: 22/11/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	SN 24 Ngõ Trung Yên, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	nguyenthiphuong@veamcorp.com	0.27%	
11.1	Nguyễn Văn Lữ			Đã mất				Cha đẻ
11.2	Đỗ Thị Nhẫn			Đã mất				Mẹ đẻ
11.3	Nguyễn Ngọc Hùng			CCCD số:001068014748; Ngày cấp: 27/12/2021;	SN 24 Ngõ Trung Yên, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội			Chồng

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
				Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH				
11.4	Nguyễn Quang Huy			CCCD số:001096038869; Ngày cấp: 08/12/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	SN 24 Ngõ Trung Yên, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội			Con đẻ
11.5	Nguyễn Phương Trang			CCCD số:001304021988; Ngày cấp: 07/01/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	SN 24 Ngõ Trung Yên, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội			Con đẻ
11.6	Chu Hải Yến			CCCD số:001196011935; Ngày cấp: 15/6/2018; Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	SN 24 Ngõ Trung Yên, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội			Con dâu
11.7	Nguyễn Thị Hòa			CCCD số:001158002381; Ngày cấp: 26/12/2014; Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	SN 20 đường Khương Đình, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội			Chị ruột
11.8	Nguyễn Văn Thắng			CCCD số:001061003962; Ngày cấp: 29/04/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	SN 20 đường Khương Đình, phường Khương Đình, Hà Nội			Anh ruột
11.9	Nông Tổ Uyên			CCCD số:004169000009; Ngày cấp: 25/04/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	SN 20 đường Khương Đình, phường Khương Đình, Hà Nội			Chị dâu
11.10	Nguyễn Văn Chiến			CCCD số:001063007846; Ngày cấp: 29/04/2021;	SN 20 đường Khương Đình, phường Khương Đình, Hà Nội			Anh trai

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
				Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH				
11.11	Trịnh Thị Minh Tâm			CCCD số:0011680111843; Ngày cấp: 24/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	SN 20 đường Khương Đình, phường Khương Đình, Hà Nội			Chị dâu
11.12	Nguyễn Thị Phương			CCCD số; 001165044737; Ngày cấp: 07/01/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	TDP Vinhomes Green Bay Mễ Trì, phường Đại Mỗ, Hà Nội			Chị ruột
11.13	Nguyễn Thị Lan			CCCD số; 011497448; Ngày cấp: 25/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	SN32, tổ 15, phường Cầu Giấy, Hà Nội			Chị ruột
11.14	Nguyễn Trường Sơn			Đã mất				Anh rể
11.15	Nguyễn Ngọc Diệp			Đã mất				Bố chồng
11.16	Nguyễn Thị Đào			CCCD số: 040138007375; Ngày cấp: 08/11/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	SN 24 Ngõ Trung Yên, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội			Mẹ chồng
12	Vũ Ngọc Hùng		Thành viên BKS	CCCD số; 019081003652; Ngày cấp: 03/07/2025; Nơi cấp: Bộ công an	Tổ 1, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	480	0.013%	
12.1	Vũ Ngọc Lộc			CCCD số; 019052002481; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên			Bố đẻ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
12.2	Lưu Thị Nghĩa			CCCD số: 019159000286; Ngày cấp: 17/12/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên			Mẹ đẻ
12.3	Hoàng Gia Khánh			CCCD số 026056001873; Ngày cấp: 01/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên			Bố vợ
12.4	Trần Thị Hải			CCCD số 019156000167; Ngày cấp: 01/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên			Mẹ vợ
12.5	Vũ Thị Nhung			CCCD số 019179001164; Ngày cấp: 06/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên			Chị ruột
12.6	Đỗ Chí Cường			CCCD số: 019070000449; Ngày cấp: 06/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên			Anh rể
12.7	Hoàng Thị Minh Phương			CCCD số 019181001029; Ngày cấp: 28/3/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Tổ 1, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên			Vợ
12.8	Vũ Hương Giang			CCCD số 019306009714; Ngày cấp: 02/7/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Tổ 1, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên			Con đẻ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
12.9	Vũ Hà Linh			CCCD số 019310004175 Ngày cấp: Nơi cấp:	Tổ 1, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên			Con đẻ
12.10	Vũ Hoàng Dũng			CCCD số 019219012940 Ngày cấp: Nơi cấp:	Tổ 1, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên			Con đẻ
13	Nguyễn Thị Út		Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty	CCCD số 019192004313; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Xóm Guộc, xã Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên			
13.1	Nguyễn Văn Phong			Đã mất				Bố đẻ
13.2	Hoàng Thị Quế			CCCD số: 019159006879; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Xóm Cầu Ngâm, xã Tân Khánh, tỉnh Thái Nguyên			Mẹ đẻ
13.3	Lã Ngọc Thành			Đã mất				Bố chồng
13.4	Nguyễn Thị Phong			CCCD số: 019170008085; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Xóm Guộc, xã Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên			Mẹ chồng
13.5	Lã Ngọc Tuấn	0001543961		CCCD số: 019089010216; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Xóm Guộc, xã Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên			Chồng

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
13.6	Lã Mạnh Tuấn			CCCD số: 019218009325; Ngày cấp: 03/10/2024; Nơi cấp: Bộ Công an	Xóm Guộc, xã Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên			Con đẻ
13.6	Lã Cẩm Tú				Xóm Guộc, xã Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên			Con đẻ
13.7	Nguyễn Thị Quyên			CCCD số: 019183013963; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Xóm Trung Tâm, xã Tân Khánh, tỉnh Thái Nguyên			Chị ruột
13.8	Nguyễn Thị Cúc			CCCD số: 019186005808; Ngày cấp: 10/5/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Thôn Bảo Nang, xã Trại Cau, tỉnh Thái Nguyên			Chị ruột
13.9	Nguyễn Thị Loan			CCCD số: 019187001321; Ngày cấp: 15/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Thôn Thượng, xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng			Chị ruột
13.10	Nguyễn Văn Liêm			CCCD số: 019089011530; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Xóm Cầu Ngâm, xã Tân Khánh, tỉnh Thái Nguyên			Anh ruột
13.11	Lê Duy Sỹ			CCCD số: 019081011211; Ngày cấp: 11/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Xóm Trung Tâm, xã Tân Khánh, tỉnh Thái Nguyên			Anh rể
13.12	Nguyễn Văn Quảng			CCCD số: 019082009292;	Thôn Bảo Nang, xã Trại			Anh rể

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
				Ngày cấp: 10/5/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Cau, tỉnh Thái Nguyên			
13.13	Ngô Văn Phương			CCCD số: 030087003601; Ngày cấp: 15/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Thôn Thượng, xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng			Anh rể
13.14	Phạm Thị Trang			CCCD số: 019194005384; Ngày cấp: 31/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Xóm Cầu Ngâm, xã Tân Khánh, tỉnh Thái Nguyên			Chị dâu